

CHÍNH SÁCH THUẾ THÚC ĐẨY TÁI CHẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

**LÊ THANH THÙY DƯƠNG¹ - NGUYỄN THỊ NHẬT THU¹
- TRẦN THỊ THANH THỦY² - NGUYỄN NGỌC HÀ^{3*}**

¹Khoa Tiếng Trung, Trường Đại học Ngoại thương
Faculty of Chinese Language, Foreign Trade University

²Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương
Faculty of Law, Foreign Trade University

³Viện Nghiên cứu sáng tạo, Trường Đại học Ngoại thương
FTU Institute for Creative Research, Foreign Trade University

*Tác giả liên hệ: hann@ftu.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/6/2026

Ngày sửa bài: 9/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 23/7/2026

Tóm tắt:

Phát triển kinh tế tuần hoàn là một trong những định hướng chính sách quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình Nghị sự 2030 của Liên hợp quốc. Trong đó, thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm chất thải. Nhằm khuyến khích hoạt động này, Trung Quốc đã triển khai nhiều chính sách ưu đãi thuế đối với tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế. Nghiên cứu phân tích các chính sách ưu đãi thuế của Trung Quốc, đánh giá kết quả thực hiện và trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị phù hợp với Việt Nam. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở tham khảo cho Việt Nam trong hoàn thiện chính sách thuế, thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế, qua đó hỗ trợ phát triển kinh tế tuần hoàn.

Từ khóa: ưu đãi thuế, tái chế, sản phẩm tái chế, Trung Quốc, Việt Nam

China's tax policies for promoting recycling and recommendations for Vietnam

Abstract:

Developing a circular economy is an important policy direction for achieving the Sustainable Development Goals under the United Nations 2030 Agenda. Recycling and the use of recycled products contribute to resource efficiency and waste reduction. To promote these activities, China has implemented a range of tax incentives, particularly in value-added tax and corporate income tax, together with supporting mechanisms such as reverse invoicing for recyclable-resource transactions. This study analyzes China's tax policies for recycling and recycled products, evaluates their implementation outcomes, and draws recommendations for Vietnam. The findings suggest that appropriately designed tax incentives can encourage efficient resource use, expand recycling industries, strengthen circular supply chains, and support environmental industries. The study provides a reference for improving Vietnam's tax framework to promote recycling and circular-economy development.

Keywords: tax incentives, recycling, recycled products, China, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Một trong những khía cạnh quan trọng của kinh tế tuần hoàn (KTTH) là khả năng tái sử dụng những nguyên liệu, vật liệu hay sản phẩm thải bỏ của một quy trình sản xuất (sau đây gọi chung là nguyên liệu tái chế), để sử dụng cho một quy trình sản xuất mới và tạo ra những sản phẩm tái chế. Ở nhiều quốc gia, đã và đang hình thành chuỗi thu mua nguyên liệu tái chế, doanh nghiệp tái chế, ngành công nghiệp tái chế. Để thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp tái chế, sử dụng sản phẩm tái chế, một quốc gia, vùng lãnh thổ có thể ban hành những chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách về thuế. Từ góc độ này, có thể thấy Trung Quốc là một trường hợp khá điển hình. Trung Quốc đã ban hành và thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế, với những biện pháp hỗ trợ đi kèm giúp phát triển ngành kinh tế quan trọng này.

Nghiên cứu này được thực hiện để phân tích các chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế của Trung Quốc, đưa ra các đánh giá về những thành công và hạn chế, từ đó, đưa ra các khuyến nghị đối với Việt Nam để có thể xây dựng được những chính sách phù hợp trong lĩnh vực tái chế.

2. Khung lý thuyết về chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

2.1. Tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

Tái chế được coi là một trong những cách thức hiệu quả để quản lý chất thải với lợi ích mở rộng từ việc bảo tồn tài nguyên và tiết kiệm năng lượng gián tiếp từ việc tránh khai thác nguyên liệu thô (Banar M, Cokaygil Z, Ozkan A, 2009). Các nước phát triển đã thiết lập hệ thống tái chế cho nhiều loại tài nguyên có thể tái chế và chất thải rắn đô thị (Municipal Solide Waste, MSW) (Yoshida F., 2007; Tsai WT, Chou YH, 2004).

Nhiều nước phát triển áp dụng chính sách về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) để ban hành luật và quy định bắt buộc về tái chế rác thải điện tử (Jaiswal A, Samuel C, Patel BS, Kumar M, 2015). EPR yêu cầu nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm, đặc biệt là đối với việc thu gom, tháo dỡ và tái sử dụng ở giai đoạn cuối vòng đời của sản phẩm (OECD, 2001). Liên minh châu Âu tích cực ủng hộ EPR về quản lý rác thải điện tử và đã ban hành 3 Chỉ thị chính là WEEE (2002/96/EC), RoHS (2002/95/EC) và EuP (2005/32/EC). Luật Tái chế thiết bị gia dụng, được Nhật Bản thực hiện vào năm 2001, quy định nhà sản xuất phải xem xét việc tái chế sản phẩm trong thiết kế và sản xuất và áp dụng tái tạo tài nguyên và xử lý rác thải điện tử thành các sản phẩm cuối vô hại (Ogushi Y, Kandlikar M, 2007). Ở Hoa Kỳ, các dự luật xử lý rác thải điện tử dựa trên trách nhiệm của nhà sản xuất đã được thông qua tại 24 tiểu bang kể từ năm 2004 (Atasu A, Ozdemir O, Wassenhove, 2013).

2.2. Lý thuyết về chính sách thuế liên quan đến thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

Một số chính sách về thuế có thể được xem xét trong trường hợp nghiên cứu về thuế đối với sản phẩm tái chế là:

- *Lý thuyết về sự công bằng.* Các nhà kinh tế cho thấy chính sách thuế cần phải công bằng và hợp lý, thuế nên được áp dụng theo nguyên tắc đảm bảo khả năng chi trả, tức là người có thu nhập cao hơn sẽ đóng thuế cao hơn. Theo cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc lợi ích, mối quan hệ giữa người nộp thuế và Nhà nước được nhìn nhận như một dạng giao dịch trao đổi.

- *Lý thuyết về ưu đãi thuế.* Chính sách ưu đãi thuế có thể mang lại cả lợi ích lẫn rủi ro cho nền kinh tế. Nếu được xây dựng và thực hiện một cách hiệu quả, các ưu đãi này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư vào quốc gia. Bên cạnh việc thúc đẩy đầu tư, ưu đãi thuế còn có thể tạo ra thêm việc làm, khuyến khích chuyển giao vốn, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, cũng như góp phần cải thiện điều kiện tại các khu vực kinh tế kém phát triển.

• *Lý thuyết về hiệu quả sử dụng tài nguyên.* Hiệu quả sử dụng tài nguyên là việc tối đa hóa nguồn cung tiền, vật liệu, nhân viên và các tài sản khác mà một cá nhân hoặc tổ chức có thể sử dụng để hoạt động hiệu quả, với chi phí lãng phí tài nguyên (tự nhiên) tối thiểu. Điều này có nghĩa là sử dụng các nguồn tài nguyên hạn chế của Trái Đất theo cách bền vững trong khi giảm thiểu tác động đến môi trường (UNEP, 2011).

3. Chính sách thuế của Trung Quốc thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

KTTH được đề xuất bởi các học giả Trung Quốc từ năm 1998. Quốc Vụ viện đã chú trọng và giao nhiệm vụ thúc đẩy KTTH cho Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia. Từ năm 2005, nhiều mô hình thí điểm KTTH được triển khai và Luật KTTH (2008) đã tạo nền tảng pháp lý thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phụ thuộc vào khai thác nguyên sinh. Sự phát triển KTTH ở Trung Quốc trải qua 4 giai đoạn: tối ưu hóa tài nguyên (trước 1992), sản xuất sạch hơn (1992-2002), giai đoạn thí điểm (2003-2008), và giai đoạn phát triển nhanh chóng (2009-nay), với sự lan tỏa của các mô hình KTTH trong nhiều tỉnh thành và ngành nghề. Trung Quốc xây dựng hệ thống chính sách môi trường tài nguyên toàn diện, trong đó tài nguyên tái tạo giữ vai trò trọng tâm. Đối với lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính và Cục Thuế đã xây dựng chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) chuyên biệt cho doanh nghiệp sử dụng và kinh doanh tài nguyên tái tạo, với các quy định chi tiết về điều kiện, đối tượng, phương thức ưu đãi, kèm theo danh mục sản phẩm, dịch vụ cụ thể được hưởng ưu đãi. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng làm nền cho các cơ chế thuế mới, trong đó có cơ chế “xuất hóa đơn ngược” trong lĩnh vực tái chế.

3.1. Về chính sách thuế giá trị gia tăng

Chính sách ưu đãi thuế GTGT đối với hoạt động tái chế phế liệu tại Trung Quốc được hình thành từ giữa thập niên 1990 và không ngừng được điều chỉnh, hoàn thiện. Văn bản hợp nhất và có hiệu lực hiện nay là Thông báo số 40 năm 2021 về hoàn thiện chính sách thuế GTGT đối với sử dụng tài nguyên toàn diện, cùng với Danh mục ưu đãi thuế GTGT cho sản phẩm và dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện năm 2022. Một số quy định quan trọng về thuế GTGT với tài nguyên tái tạo có thể được khái quát như sau:

- Các doanh nghiệp có thể lựa chọn phương pháp tính thuế đơn giản với tỷ lệ 3% hoặc phương pháp tính thuế thông thường khi bán tài nguyên tái tạo đã thu mua. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp đơn giản phải đáp ứng điều kiện tương ứng: thu gom chất thải nguy hại phải có giấy phép hoạt động; thu gom xe cơ giới hết niên hạn phải có chứng nhận đủ điều kiện; các doanh nghiệp thu gom tài nguyên tái tạo khác phải đăng ký và hoàn tất thủ tục với cơ quan thương mại. Sau khi đã lựa chọn phương pháp, doanh nghiệp không được thay đổi trong vòng 36 tháng.

- Đối với các sản phẩm, dịch vụ có trong “Danh mục ưu đãi thuế GTGT đối với sản phẩm và dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện năm 2022”, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp thông thường có thể được hoàn một phần hoặc toàn bộ số thuế GTGT đã nộp, với tỷ lệ và điều kiện cụ thể cho từng sản phẩm/dịch vụ. Để được hưởng ưu đãi, doanh nghiệp phải: (i) nhận hóa đơn GTGT hợp lệ từ bên bán tài nguyên tái tạo trong nước; nếu bên bán được miễn thuế thì phải có hóa đơn thường; trường hợp bên bán không thể tự phát hành hóa đơn, doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán hoặc hóa đơn do cơ quan thuế phát hành; (ii) có đầy đủ hóa đơn hoặc chứng từ thanh toán làm căn cứ, nếu không doanh nghiệp sẽ không được áp dụng chính sách hoàn thuế.

- Từ ngày 24/4/2024, Cục Thuế ban hành Thông báo số 5/2024 về việc doanh nghiệp tái chế đủ điều kiện được phép phát hành hóa đơn GTGT ngược cho cá nhân bán sản phẩm báo phế. Cơ chế này giúp hợp thức hóa đầu vào thuế đối với nguồn cung từ cá nhân, cho phép doanh nghiệp: (i) có hóa đơn hợp lệ để khấu trừ GTGT đầu vào; (ii) có chứng từ chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Đây là một bước điều chỉnh quan trọng, tạo điều kiện giảm chi phí thuế đầu vào cho doanh nghiệp tái chế quy mô nhỏ và vừa (Cục Thuế Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 2024).

3.2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách thuế TNDN ưu đãi cho hoạt động sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc dựa trên các căn cứ pháp lý chính sau: (i) Điều 33 của Luật thuế TNDN có hiệu lực từ 01/01/2008; (ii) Điều 99 của Quy định thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực từ 01/01/2008; (iii) Thông báo số 47/2008 của Bộ Tài chính và Cục Thuế về việc thực hiện danh mục ưu đãi thuế TNDN cho tái chế tài nguyên; (iv) Thông báo số 23/2018 của Cục Thuế về quy trình xử lý ưu đãi thuế TNDN đã sửa đổi; (v) Thông báo số 36/2021 công bố “Danh mục ưu đãi thuế TNDN cho các dự án bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và nước” và “Danh mục ưu đãi thuế TNDN cho tái chế tài nguyên”.

Theo các quy định này, doanh nghiệp sử dụng tài nguyên tái tạo được liệt kê trong Danh mục ưu đãi thuế TNDN cho tái chế tài nguyên, sử dụng các tài nguyên này làm nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn ngành, khi tính thu nhập chịu thuế được giảm 90% phần thu nhập tương ứng, do vậy chỉ 10% phần thu nhập từ các dự án tái chế thuộc danh mục được đưa vào tổng thu nhập tính thuế của năm. Để được hưởng ưu đãi, doanh nghiệp phải bảo đảm: (i) tỷ lệ tài nguyên được liệt kê trong danh sách so với nguyên liệu sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong Danh mục; (ii) hạch toán tách bạch thu nhập từ các dự án khác tái chế tài nguyên với thu nhập từ hoạt động khác, nếu không tách bạch thì không được áp dụng ưu đãi; (iii) lưu giữ hồ sơ thuyết minh về tình hình sử dụng tài nguyên tái tạo và tài liệu chứng minh cách tính thu nhập từ sản phẩm sản xuất bằng tài nguyên tái tạo để phục vụ kiểm tra.

Về thủ tục, doanh nghiệp có thể tự áp dụng ưu đãi trong kì khai tạm tính, thông qua việc điền vào Tờ khai tạm nộp thuế TNDN (nhóm A, năm 2021) và tại thời điểm quyết toán thuế năm điền vào Bảng chi tiết về thu nhập miễn thuế, giảm thuế và khấu trừ bổ sung (mẫu A107010) để hưởng ưu đãi này. Cơ chế thủ tục này vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, vừa đặt ra yêu cầu cao về tính trung thực của số liệu và năng lực lưu trữ chứng từ phục vụ thanh tra, kiểm tra sau này.

3.3. Chế tài xử lý vi phạm

Trung Quốc không có quy định riêng các biện pháp đảm bảo thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế, nhưng thông qua quy định xử lý hành chính và chế tài hình sự đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ thuế nói chung, chính sách ưu đãi thuế đã được thực thi đúng đắn, hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong hệ thống thuế và duy trì trật tự kinh tế quốc gia.

4. Đánh giá các chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế

4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, thúc đẩy các doanh nghiệp tiết kiệm và sử dụng tài nguyên hiệu quả

Các chính sách thuế nêu trên của Trung Quốc đã góp phần thúc đẩy doanh nghiệp tiết kiệm và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Cụ thể, tiêu hao năng lượng và nước trên mỗi 10.000 NDT GDP đều giảm đáng kể trong giai đoạn 2015-2022 (Pang Wuji, 2023), diện tích đất xây dựng trên một đơn vị GDP cũng thu hẹp. Điều này cho thấy, các chính sách thuế đã thực sự tác động tới quyết định công nghệ và tổ chức sản xuất, chứ không chỉ dừng ở khẩu hiệu. Việc miễn, giảm GTGT, phụ phí và TNCN đối với cá nhân bán phế liệu còn tạo động lực cung ứng cho khu vực “đầu nguồn” của ngành tái chế.

Thứ hai, thúc đẩy tái chế tài nguyên công nghiệp

Các ưu đãi thuế đã làm thay đổi bài toán chi phí - lợi ích giữa phương án “xả thải” và “xử lý - tái chế”. Nếu xả thải, doanh nghiệp phải nộp thuế bảo vệ môi trường; nếu tái chế, họ vừa tạo thêm doanh thu từ sản phẩm tái chế, vừa được hoàn hoặc giảm thuế. Nhờ đó, tái chế trở thành lựa chọn kinh tế hơn trong trung và dài hạn. Theo số liệu của Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin, trong năm 2023, khối lượng pin xe

điện đã qua sử dụng được tái chế đạt 225.000 tấn, đảm bảo số pin xe điện đã qua sử dụng được thu hồi và tái chế toàn bộ. Ngành sản xuất thiết bị gia dụng đạt tỷ lệ tái chế trên 80% đối với tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa không khí và các sản phẩm khác (Cheng, 2024). Tỷ lệ tái chế cao góp phần giảm áp lực lên tài nguyên nguyên sinh và khối lượng chất thải phải xử lý cuối cùng.

Thứ ba, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp môi trường

Hiện nay, ngành công nghiệp môi trường tại Trung Quốc đã bước vào giai đoạn phát triển chất lượng cao. Cơ chế hạn chế và khuyến khích của chính sách “thuế xanh” đã thúc đẩy các doanh nghiệp gia tăng vốn đầu tư vào hoạt động kiểm soát ô nhiễm và giảm rác thải, bao gồm mua sắm thiết bị bảo vệ môi trường hoặc mua công nghệ được cấp bằng sáng chế về bảo vệ môi trường. Đối với các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường hoặc các chủ sở hữu công nghệ được cấp bằng sáng chế bảo vệ môi trường, các khoản đầu tư này đã tạo ra thị trường tiêu thụ, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của ngành công nghiệp xanh. Theo dữ liệu của Ủy ban Phát triển và cải cách Quốc gia Trung Quốc, giá trị sản lượng của ngành bảo tồn năng lượng và bảo vệ môi trường vượt 8.000 tỷ NDT vào năm 2021 (Zhao Chengxin, 2024), với mức tăng trưởng trung bình hàng năm trên 10%. Năm 2022, doanh thu của ngành công nghiệp sinh thái và bảo vệ môi trường đạt khoảng 2,22 nghìn tỷ NDT, tăng khoảng 372,3% so với 10 năm trước (Zhang Ke, 2024). Những kết quả này cho thấy, vai trò quan trọng của hệ thống thuế xanh trong việc thúc đẩy nền kinh tế bền vững.

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi thuế có tác động kích thích ngành công nghiệp sử dụng tổng hợp tài nguyên mở rộng quy mô hoạt động gia công phế liệu. Các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp bảo vệ môi trường) đã sử dụng toàn diện các sản phẩm trung gian và chất thải để làm nguồn nguyên liệu tái xuất. Lượng rác thải được các doanh nghiệp này thu mua tăng từ 15% đến 17% (Jie Hongtao, Zhang Jianshun, 2020). Các doanh nghiệp sử dụng tổng hợp tài nguyên được hưởng ưu đãi thuế có tỷ lệ mua nguyên liệu phế thải cao hơn so với các doanh nghiệp không hưởng ưu đãi thuế. Chính sách ưu đãi thuế đã thúc đẩy sự hình thành thị trường chuyên môn hóa về kiểm soát ô nhiễm, cho phép các chất thải ô nhiễm trở thành nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất, góp phần hình thành chuỗi KTTH.

Thứ tư, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật về thuế và tăng thu ngân sách nhà nước

Việc Trung Quốc triển khai các chính sách thuế ưu đãi nêu trên đã đặt ra nhiều tranh luận về tác động tài khóa. Trên thực tế, một số nghiên cứu đã chỉ ra các chính sách ưu đãi này không mang lại hiệu ứng gia tăng thu ngân sách trong ngắn hạn, thậm chí dẫn đến giảm thu trực tiếp và tạo áp lực cho ngân sách địa phương (Guo & Shi, 2021). Tuy nhiên, các chính sách này được thiết kế phục vụ mục tiêu dài hạn như minh bạch hóa ngành tái chế, bảo đảm an ninh tài nguyên và giảm áp lực môi trường, phù hợp định hướng phát triển bền vững.

Về dài hạn, ưu đãi thuế giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, mở rộng sản xuất và gia tăng đầu tư công nghệ, từ đó làm tăng nguồn thu gián tiếp. Liu, Gong và Wang (2022) chỉ ra ưu đãi thuế GTGT và TNDN có thể giúp doanh thu ngành tái chế xây dựng tăng trung bình 33,56%/năm đến 2030, lợi nhuận đạt 42-46,8%. Hiệu ứng này góp phần mở rộng quy mô ngành và tạo thêm nguồn thu từ thuế thu nhập cá nhân, tài sản và tiêu dùng (Zhang và Chen, 2023). Bên cạnh tác động kinh tế, ưu đãi thuế gắn với cải cách quản trị thuế giúp hạn chế gian lận hóa đơn, vốn phổ biến trong ngành tái chế. Trung Quốc tăng cường cơ chế giám sát và kiểm soát rủi ro thông qua các hướng dẫn pháp lý mới (Thông tư 4/2024). Đặc biệt, cơ chế “xuất hóa đơn ngược” buộc doanh nghiệp tái chế lập hóa đơn thay cá nhân, lưu trữ chứng từ và nộp thuế thay. Điều này vừa giảm rủi ro khấu trừ sai, vừa nâng chuẩn quản trị nội bộ của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp cho cơ quan thuế dữ liệu minh bạch để giám sát một phân khúc trước đây rất khó kiểm soát.

4.2. Một số vấn đề chính về thuế mà ngành tài nguyên tái chế đang đối mặt

Trong quá trình thực hiện các chính sách ưu đãi thuế nên trên vẫn phải đối mặt với một số khó khăn dưới đây:

Thứ nhất, chính sách ưu đãi thuế cho giai đoạn gia công sản xuất có phạm vi áp dụng hẹp, khó đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế của ngành. Các điều kiện trong Danh mục ưu đãi rất khắt khe, khiến chỉ một số ít doanh nghiệp đủ điều kiện. Thêm vào đó, nếu doanh nghiệp bị phạt hành chính về môi trường trên 10.000 NDT, có thể bị tước quyền hoàn thuế trong 3 năm, làm tăng rủi ro chính sách và có thể khiến doanh nghiệp ngại đầu tư vào các dự án tái chế dài hạn.

Thứ hai, ưu đãi ở giai đoạn chế biến tài nguyên tái chế khó có thể lan tỏa đến các doanh nghiệp thu mua chính thức. Chuỗi giá trị tái chế phân mảnh, khâu thu gom có rào cản gia nhập thấp nên nhiều đơn vị hoạt động phi chính thức, không đăng ký, không nộp thuế. Họ có thể trả “giá không hóa đơn” cao hơn, cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp thu gom chính thức phải chịu nghĩa vụ thuế. Hệ quả là hình thành 2 hệ thống giá song song, làm suy yếu khả năng doanh nghiệp chính thức chuyển tải lợi ích ưu đãi thuế xuống khâu thu gom, và giữ lại cấu trúc cung ứng phi chính thức mà chính sách mong muốn thay đổi.

Thứ ba, chính sách thuế địa phương chênh lệch lớn, tạo ra môi trường cạnh tranh không công bằng. Ví dụ, để phát triển ngành tái chế và sử dụng vật liệu phế thải, các tỉnh như Sơn Đông, An Huy, Hà Nam đã ban hành chính sách hỗ trợ tài chính, thực hiện việc hoàn trả với tỷ lệ khác nhau đối với phần thuế GTGT giữ lại ở địa phương, tạo ra những chênh lệch trong chính sách thuế trong ngành giữa các địa phương. Những chính sách này, mặc dù đã giảm bớt gánh nặng cho một số doanh nghiệp tái chế, nhưng cũng đã làm tăng khoảng cách giữa các chính sách thuế địa phương.

5. Khuyến nghị cho Việt Nam

Phát triển KTTH và thúc đẩy tái chế là một trong những chính sách được Việt Nam triển khai trong thời gian gần đây. Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó nhấn mạnh KTTH là mô hình giữ vai trò quan trọng để xanh hóa các ngành kinh tế. Chiến lược này cũng đã đặt ra những mục tiêu tham vọng đến năm 2050 là 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, trong đó hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải có thể tái chế (Quyết định 1658/QĐ-TTg). Đồng thời, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã thể chế hóa mạnh mẽ hơn nữa EPR và nhờ đó, cơ chế EPR chính thức được vận hành ở Việt Nam từ ngày 01/01/2024 (Mai Thế Toàn & Lại Văn Mạnh, 2022).

Đối với chính sách ưu đãi thuế dành cho sản phẩm tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế, hiện nay, Việt Nam mới có những quy định ban đầu, bao gồm:

- Miễn thuế xuất khẩu cho sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải (Điều 16.19.b Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016);
- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tái tạo tài sản cố định của dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, bao gồm các dự án xử lý, tái chế chất thải (Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016).

Như vậy, pháp luật về thuế GTGT, thuế TNDN... chưa có những quy định cụ thể về ưu đãi thuế nhằm thúc đẩy sản xuất sản phẩm tái chế hay tiêu dùng sản phẩm tái chế như của Trung Quốc.

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, để đẩy mạnh áp dụng mô hình KTTH, tái chế chất thải và sử dụng sản phẩm tái chế, Việt Nam nên xem xét áp dụng một số ưu đãi đối với thuế GTGT và thuế TNDN. Khi xem xét xây dựng chính sách ưu đãi thuế này, Việt Nam cần chú ý các điểm sau:

- Giải quyết được vướng mắc về hóa đơn đầu vào đối với nguyên liệu tái chế, để việc khấu trừ, giảm

thuế GTGT đối với sản phẩm tái chế được thực hiện dễ dàng. Khi này, Việt Nam nên nghiên cứu và cân nhắc sử dụng chính sách xuất hóa đơn ngược của Trung Quốc.

- Xem xét các tiêu chí áp dụng cho các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thể mang tính thuận lợi để tăng cường số lượng doanh nghiệp tham gia tái chế và sản xuất sản phẩm tái chế;

- Xây dựng các biện pháp để hạn chế hệ thống 2 giá trong thu mua nguyên liệu tái chế.

6. Kết luận

Ưu đãi về thuế có thể trở thành một công cụ quan trọng để thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế tại Trung Quốc. Chính sách này đã được thực hiện trong một thời gian tương đối dài và góp phần tạo ra ngành công nghiệp tái chế với quy mô lớn và giúp việc sử dụng sản phẩm tái chế ngày càng được mở rộng tại thị trường Trung Quốc. Từ bài học của Trung Quốc, Việt Nam có thể nghiên cứu và áp dụng chính sách ưu đãi thuế này bằng việc xem xét sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT hay TNDN ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (2007). Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Sắc lệnh Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa số 63, ngày 16/3/2007.

Mai Thế Toàn, Lại Văn Mạnh (2022). Giới thiệu khung pháp lý thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Tạp chí Môi trường, 1, 24-28.

Pang Wuji (2023). Diện tích sử dụng đất xây dựng trên một đơn vị GDP của Trung Quốc đã giảm 21,51% trong 5 năm. Tập đoàn Sina. [sina.com.cn/articles/view/1784473157/6a5ce64502002nukd](https://www.sina.com.cn/articles/view/1784473157/6a5ce64502002nukd).

Zhang Ke (2024). Ngành bảo vệ sinh thái và môi trường đối mặt với cơ hội mới và các hiệp hội ngành khuyến khích các công nghệ đột phá. Trang thông tin điện tử chính thức của First Financial Network. <https://www.yicai.com/news/101938575.html>.

Atasu A., Ozdemir O., Wassenhove (2013). Stakeholder perspectives on e-waste take-back legislation. *Production and Operations Management*, 22, 382-96.

Banar M., Cokaygil Z., Ozkan A. (2009). Life cycle assessment of solid waste management options for Eskisehir, Turkey. *Waste Management*, 29, 54-62.

Jaiswal A., Samuel C., Patel BS., Kumar M. (2015). Go green with WEEE: eco-friendly approach for handling e-waste. *Procedia Computer Science*, 46, 1317-24.

Ogushi Y., Kandlikar M. (2007). Assessing extended producer responsibility laws in Japan. *Environmental Science & Technology*, 41, 4502-8.

Organization for Economic Co-operation and Development (OECD) (2001). *Extended producer responsibility: A guidance manual for governments*, Paris.

Tsai W. T., Chou Y. H. (2004). A review of environmental and economic regulations for promoting industrial waste recycling in Taiwan. *Waste Management*, 24, 1061-9.

Yoshida F. (2007). *The Cyclical Economy of Japan*. 2nd ed. Hokkaido, Japan: Hokkaido University Press; 2007.